TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 136/2020/QĐST-HNGĐ	*Quận 8, ngày 27 tháng 02 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 29, 149, 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 80/2020/TLST-HNGĐ ngày 20/01/2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Hứa Văn T, sinh năm 1989; Địa chỉ: Đường Đ, Phường B, Quận T, Thành phố H.

2. Bà Ngô Thanh T, sinh năm 1990; Địa chỉ: Đường Đ, Phường B, Quận T, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào nội dung Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự ngày 19 tháng 02 năm 2020, các yêu cầu của đương sự được ghi nhận như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà T yêu nhau và đã đăng ký kết hôn theo bản sao Trích lục kết hôn số 73, ngày 25/5/2009 tại Uỷ ban nhân dân Phường M, Quận T, Thành phố H. Sau khi có 02 con chung tên Hứa Mỹ Đ, sinh ngày 27/10/2009 và tên Hứa Hạo N, sinh ngày 25/4/2017, hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Đến năm 2018, thì vợ chồng không còn hạnh phúc nữa. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T và bà T đã nộp đơn yêu cầu thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con

[2] Về con chung: Ông Tvà bà T có 02 (hai) con chung tên Hứa Mỹ Đ, sinh ngày 27/10/2009 và tên Hứa Hạo N, sinh ngày 25/4/2017. Hai bên thỏa thuận giao trẻ Đ và trẻ N cho bà T đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chung các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết;

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Toà án không xem xét;

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, ông T và bà T mỗi người chịu 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng, nhưng bà T tự nguyện chịu toàn bộ và được ông T đồng ý, nên Toà án ghi nhận thoả thuận của các đương sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự. Các đương sự không có thay đổi ý kiến về các vấn đề được ghi nhận nêu trên, nên có cơ sở để Toà án chấp nhận yêu cầu của đương sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông Hứa Văn T và bà Ngô Thanh T thuận tình ly hôn (theo Trích lục kết hôn số 73, đăng ký ngày 25/5/2009 tại Uỷ ban nhân dân Phường M, Quận T, Thành phố H).

- Về con chung: Giao 02 (hai) con chung tên Hứa Mỹ Đ, sinh ngày 27/10/2009 và tên Hứa Hạo N, sinh ngày 25/4/2017 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết;

Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được qui định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền xin thay đổi việc nuôi con, đóng góp phí tổn nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, bà T tự nguyện chịu toàn bộ nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0012820, ngày 13/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Bà T đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Thành Trung